

Hung Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 193/2026/TLST - DS ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Bà Trần Thị P, ông Trần Trọng T, bà Trần Thị N, ông Trần Tiến H, bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh C tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Bà P, ông T, bà N, ông H, bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí đối với phần các ông, bà phải chịu theo quy định của pháp luật. Phần các ông bà tự nguyện chịu thay người khác, các ông, bà phải nộp theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A N, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: - Bà Trần Thị A, sinh năm 1969.

- Ông Phạm Văn M, sinh năm 1970.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Trọng T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A ngách B, ngõ B V, phường L, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ D, phường L, Thành phố Hà Nội.

- Ông Trần Tiến H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số D A, phường H, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số A ngách A, ngõ B N, phường H, Thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị Thanh C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số E ngách A Hồ N, phường H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà N, ông H và bà L: Bà Trần Thị P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A N, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Văn M và bà Trần Thị A trả bà Trần Thị P, ông Trần Trọng T, bà Trần Thị N, ông Trần Tiến H, bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh C (là các con của cụ Trần Văn T1 và cụ Nguyễn Thị M1) diện tích 29,6 m² đất, thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 31 (tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, nay là thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 412054 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 13/10/2008 cho bà Trần Thị A và ông Phạm Văn M. Phần diện tích 29,6 m² này nhập vào thửa đất ghi tên cụ Trần Văn T1 và cụ Nguyễn Thị M1 tại thửa đất số 234, tờ bản đồ 31 (theo bản đồ năm 2018) tại thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Giá trị quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng/m² (hai mươi triệu đồng một mét vuông).

2.2. Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 31 của vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Trần Thị A và thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 ghi tên cụ Trần Văn T1 và cụ Nguyễn Thị M1 tại thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên sau khi thống nhất có ranh giới, diện tích mới như sau:

Bà Trần Thị P, ông Trần Trọng T, bà Trần Thị N, ông Trần Tiến H, bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh C (là các con của cụ Trần Văn T1 và cụ Nguyễn Thị M1) quản lý, sử dụng 161 m² đất.

Ông Phạm Văn M, bà Trần Thị A quản lý, sử dụng 164,4 m² đất.

Có sơ đồ kèm theo.

2.3. Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị P, ông Trần Trọng T, bà Trần Thị N, ông Trần Tiến H, bà Trần Thị Thanh L mỗi người phải chịu 1.153.400 đồng (một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thanh C phải chịu 2.306.600 đồng (hai triệu ba trăm linh sáu nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười